



Asian Development Bank

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á



NGÂN HÀNG HỢP TÁC

SỔ TAY QUẢN LÝ

DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BÓN THẤP
HỢP PHẦN 2 - TÍN DỤNG CHO CÁC CHUỖI GIÁ TRỊ KHÍ SINH HỌC
ADB - 2968 - VIE(SF)

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Sổ tay Quản lý Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Các bon thấp

Tổng Giám đốc Ngân hàng Hợp tác

- Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Quy định hiện hành của Thống đốc NHNN Việt Nam về cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng Hợp tác đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận tại Văn bản số 4221/NHNN-TTGSNH ngày 13/06/2013;
- Căn cứ Hiệp định vay số 2968-VIE(SF) ký ngày 07/3/2013 giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để tài trợ cho Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp;
- Căn cứ Hiệp định Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp ký ngày 07/3/2013 giữa ADB và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (NHHT);
- Căn cứ Hiệp định vay phụ Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp ký ngày 18/8/2014 giữa Bộ Tài chính và NHHT;
- Căn cứ Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp ban hành kèm theo Công văn số 1859/DANN-LCASP ngày 18/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Hướng dẫn về chuỗi giá trị Biogas của ADB;
- Theo đề nghị của Trưởng phòng QHQT & QLDA - Ngân hàng Hợp tác.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Sổ tay quản lý Dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp - ADB 2968”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng QHQT&QLDA, Trưởng các phòng ban NHHT, Giám đốc chi nhánh NHHT và các đơn vị thụ hưởng vốn ADB-2968 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (để b/c)
- Bộ Tài chính (để b/c)
- Bộ Nông nghiệp (để b/c)
- Chủ tịch HĐQT
- Ban Tổng Giám đốc
- Lưu VP, DA

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Mạnh Hùng

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trong hướng dẫn này, các từ ngữ viết tắt được hiểu như sau:

ADB : Ngân hàng Phát triển Châu Á.

CSAWMP: Công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp.

KSH: Khí sinh học

NHNN Việt Nam: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

NHHT: Ngân hàng Hợp tác.

QTDND: Quỹ Tín dụng nhân dân.

Dự án: Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp.

Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học: Bao gồm (i) công trình khí sinh học và (ii) gói môi trường bao gồm việc xây dựng các bể rửa chân nhằm giảm sự lây truyền các sinh vật gây bệnh vào các khu vực trang trại, cải thiện hệ thống cống rãnh thoát nước trong chăn nuôi, xây dựng các bể chứa cặn thải sinh học trước khi tưới vào đất làm phân hữu cơ và các phương tiện để sử dụng tối đa các giá trị tiềm năng của khí ga và điện được tạo ra.

Tiểu dự án: Dự án về xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học do cá nhân, hộ gia đình hoặc doanh nghiệp thực hiện và xin vay vốn.

Vùng chăn nuôi tập trung: Vùng đất nông nghiệp được phân bổ cho việc sử dụng dài hạn trang trại chăn nuôi và sản xuất thương mại đồng thời thực hiện các biện pháp kiểm soát để bảo vệ khỏi sự bùng phát dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh môi trường trong sản xuất chăn nuôi.

SỔ TAY QUẢN LÝ DỰ ÁN
HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BÓN THẤP
HỢP PHẦN 2 – TÍN DỤNG CHO CÁC CHUỖI GIÁ TRỊ KHÍ SINH HỌC
(Ban hành theo quyết định số...24...QĐ - NHHT ngày 28/03/2016
của Tổng Giám đốc NHHT)

Tổng Giám đốc NHHT hướng dẫn thực hiện cụ thể như sau:

1. PHẠM VI THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án sẽ được NHHT triển khai giải ngân trực tiếp tại các Chi nhánh hoặc thông qua các QTDND tại địa bàn 10 tỉnh: Lào Cai, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Giang, Nam Định, Hà Tĩnh, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre và Sóc Trăng.

2. CÁC HẠNG MỤC ĐƯỢC TÀI TRỢ

Dự án sẽ cung cấp tín dụng cho khách hàng là nông dân, nhóm nông dân, các doanh nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn để xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học, bao gồm:

2.1. Công trình KSH được xây dựng với chất lượng đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

- (i) Xây dựng sau ngày **05/06/2013** (ngày hiệu lực của Hiệp định vay)
- (ii) Quy mô: Tùy theo khối lượng vật nuôi trong các hộ gia đình và nông trại, các công trình KSH 03 loại, bao gồm:
 - a) Quy mô nhỏ: Kích cỡ không vượt quá 50m³;
 - b) Quy mô vừa: Kích cỡ từ 51m³ đến 499m³;
 - c) Quy mô lớn: Kích cỡ trên 500m³.

2.2. Các hạng mục cụ thể liên quan đến việc xử lý môi trường (gói môi trường) đi kèm với công trình KSH như:

- (i) Các hạng mục thu gom chất thải (cống /rãnh thoát nước thải, sàn dốc, bể rửa chân, các công cụ để thu gom chất thải đưa xuống hầm khí sinh học, ...);
- (ii) Các thiết bị nhằm sử dụng triệt để nguồn khí ga sinh ra (thiết bị lọc khí ga, bếp đun, máy phát điện, đèn chiếu sáng, đầu đốt khí ga thừa, đường ống dẫn khí ga, máy sấy, lò ấp trứng, lò sưởi, bình nóng lạnh...);
- (iii) Các hạng mục xử lý phân thừa, nước thải và cặn thải từ hầm KSH, sử dụng làm phân bón hữu cơ (bể ủ phân compost, bể lắng, bể lọc, thiết bị lấy chất cặn thải từ hầm KSH, phương tiện sản xuất, vận chuyển phân bón hữu cơ).

3. ĐIỀU KIỆN ĐỂ KHÁCH HÀNG VAY VỐN DỰ ÁN

Đối tượng vay phải đáp ứng các tiêu chí sau:

3.1. Là các pháp nhân và cá nhân/nhóm cá nhân Việt Nam đang và sẽ tiến hành các hoạt động sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn tại các địa bàn nằm trong vùng triển khai Dự án;

3.2. Có nhu cầu vay vốn để xây dựng các chuỗi giá trị khí sinh học đạt tiêu chuẩn;

3.3. Cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với việc vận hành và duy tu bảo dưỡng;

3.4. Có khả năng và sẵn sàng trả nợ đúng hạn, đầy đủ gốc/lãi tiền vay cho NHHT/QTĐND.

3.5. Tuân thủ các Quy định của NHHT (trường hợp vay tại từ NHHT), của QTĐND (trường hợp vay vốn tại QTĐND) và các quy định khác về bảo đảm tiền vay.

4. QTĐND ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA VAY VỐN DỰ ÁN

Các QTĐND để được vay vốn Dự án phải thỏa mãn các điều kiện sau:

4.1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 1 năm;

4.2. Tại thời điểm vay vốn không thuộc diện kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;

4.3. Đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn quy định tại Quy chế điều hòa vốn của NHHT đối với QTĐND (là thành viên của NHHT, không có nợ xấu tại NHHT, tỷ lệ nợ xấu cho vay thành viên dưới 5%/tổng dư nợ cho vay thành viên, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN, duy trì tiền gửi tối thiểu tại NHHT, chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo);

4.4. Tại thời điểm xin vay có số dư tiền gửi huy động tối thiểu 3 tỷ đồng.

5. QUY MÔ MÓN VAY VÀ CƠ CẤU VỐN THAM GIA TIỂU DỰ ÁN

5.1. Mức cho vay tối đa đối với mỗi tiểu dự án xây dựng chuỗi giá trị với công trình KSH quy mô nhỏ là 100.000.000VNĐ, quy mô vừa là 1.700.000.000VNĐ và quy mô lớn là 3.740.000.000VNĐ.

5.2. Cơ cấu vốn đối với mỗi tiểu dự án:

- Phần đóng góp của người vay (hộ gia đình/doanh nghiệp) trong tổng chi phí xây dựng chuỗi giá trị KSH bao gồm vốn bằng tiền mặt, cơ sở hạ tầng, nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương và/hoặc sức lao động với giá trị tương ứng và các dạng thức khác ...

- Tỷ lệ vốn đối ứng của chi nhánh NHHT/QTĐND trên tổng số tiền giải ngân là 15% (15/100)

- Tỷ lệ vốn tài trợ của ADB trên tổng số tiền giải ngân là 85% (85/100).

Ví dụ minh họa về cơ cấu của một món vay

Anh Nguyễn Văn A có một tiểu dự án xây một công trình KSH quy mô nhỏ và hệ thống xử lý chất thải thừa và nguồn nước thải với tổng chi phí là 150 triệu đồng. Anh A có sẵn một số nguyên vật liệu xây dựng trị giá khoảng 50 triệu đồng. Anh A có nhu cầu vay 100 triệu từ Quỹ TDND B. Như vậy, QTDND B có thể cho vay tối đa vốn vay ADB là 85 triệu, tương đương 85% tổng vốn vay; vốn đối ứng của QTDND B tối thiểu là 15 triệu, tương đương với 15% tổng vốn vay.

Tổng chi phí	Vốn tự có của người vay	Vốn vay	
		Nguồn vốn ADB	Nguồn vốn QTDND
150 triệu	50 triệu	Tối đa là 85 triệu	Tối thiểu là 15 triệu

6. ĐỒNG TIỀN CHO VAY

Là đồng Việt Nam (VNĐ)

7. LÃI SUẤT CHO VAY

7.1. Lãi suất NHHT cho các Chi nhánh NHHT/QTDND vay do Tổng Giám đốc NHHT quyết định theo từng thời kỳ.

7.2. Chi nhánh NHHT/QTDND cho vay lại tới người vay cuối cùng theo lãi suất thỏa thuận, theo quy định hiện hành của NHNN Việt Nam và hướng dẫn của NHHT.

8. THỜI HẠN CHO VAY

8.1. Chi nhánh NHHT cho vay các QTDND với thời hạn tối đa là 5 năm, thu lãi hàng tháng.

8.2. Chi nhánh NHHT/QTDND cho vay tới người vay cuối cùng với thời hạn tối đa là 5 năm đối với công trình KSH quy mô nhỏ và tối đa 10 năm đối với công trình KSH quy mô vừa và lớn. Việc định kỳ hạn trả nợ và thời gian ân hạn thực hiện theo quy định của NHNN Việt Nam và hướng dẫn của NHHT.

9. QUY TRÌNH CHO VAY

9.1. Khi có nhu cầu vay vốn Dự án, người vay phải gửi các giấy tờ sau đến Chi nhánh NHHT/QTDND:

- Mô tả tiểu dự án xin vay vốn (phụ lục I)
- Đơn xin vay vốn (theo quy định của Chi nhánh NHHT và QTDND)
- Chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu.

9.2. Nội dung quy trình nghiệp vụ cho vay, định kỳ hạn nợ, thu nợ, thu lãi, kiểm tra giám sát, xử lý vốn vay, gia hạn nợ - điều chỉnh kỳ hạn nợ - chuyển nợ quá hạn thực hiện theo đúng quy định cho vay, điều hòa vốn hiện hành của NHHT.

10. THỦ TỤC RÚT VỐN, GIẢI NGÂN

10.1. Đối với Trụ sở chính NHHT:

Tiến hành thủ tục rút vốn từ Bộ Tài chính và ADB:

- a) Tổng hợp kế hoạch vay vốn, làm đơn xin rút vốn Dự án ADB-2968
- b) Trên cơ sở vốn được rút, lập kế hoạch phân bổ hạn mức tín dụng, trình Tổng Giám đốc phê duyệt, thông báo chỉ tiêu chuyển vốn cho Phòng Kế hoạch Nguồn vốn và các Chi nhánh thực hiện.
- c) Mở và duy trì tài khoản riêng theo dõi nguồn vốn ADB-2968 VIE(SF), bao gồm các khoản vay mới được chuyển đến và các khoản thu nợ từ các khoản vay trong khuôn khổ của Dự án.

10.2. Đối với Chi nhánh NHHT/QTĐND:

- a) Hình thức bồi hoàn vốn: Giải ngân trên cơ sở Sao kê chi tiêu

Áp dụng trong trường hợp Chi nhánh NHHT/QTĐND đã thực hiện cho vay tiểu dự án đáp ứng được các tiêu chí của Dự án **sau ngày Hiệp định vay có hiệu lực (ngày 05/6/2013 và còn dư nợ tại thời điểm rút vốn)** bằng nguồn vốn thông thường của Chi nhánh NHHT/QTĐND. Chi nhánh NHHT/QTĐND lập sao kê danh sách khách hàng vay vốn (**theo mẫu 2A**) gửi Phòng QHQT&QLDA - Hội sở NHHT, để xin bồi hoàn theo giá trị ban đầu của món vay.

- b) Hình thức tạm ứng: Giải ngân theo nhu cầu thực tế

Trên cơ sở khảo sát nhu cầu thực tế tại địa bàn, QTĐND lập kế hoạch vay vốn (**theo mẫu 1A**) gửi Chi nhánh NHHT, Chi nhánh NHHT tổng hợp kế hoạch vay vốn trên địa bàn và của QTĐND (**theo mẫu 1B**) gửi Phòng QHQT&QLDA - Hội sở NHHT xin tạm ứng vốn.

- c) Mở và duy trì tài khoản riêng theo dõi nguồn vốn ADB-2968 bao gồm các khoản vay mới được chuyển đến và các khoản thu nợ từ các khoản vay trong khuôn khổ của Dự án.

- d) Chi nhánh giải ngân cho QTĐND/khách hàng đáp ứng đủ điều kiện. Mọi khoản nợ gốc thu hồi được, Chi nhánh phải chuyển trả vào quỹ quay vòng đặt tại Chi nhánh để tiếp tục cho vay lại.

10.3. Đối với mỗi khoản vay vượt quá 3.740.000VNĐ:

Để tài trợ tiểu dự án xây dựng công trình khí sinh học quy mô lớn có giá trị vượt quá 3.740.000VNĐ, Chi nhánh NHHT/QTĐND phải trình trước hồ sơ và các tài liệu có liên quan qua Phòng QHQT&QLDA để đề xuất ADB xem xét và phê duyệt.

11. QUỸ QUAY VÒNG

Một quỹ quay vòng các khoản trả gốc của khoản vay trong khuôn khổ Dự án sẽ được thiết lập tại các Chi nhánh NHHT tham gia Dự án trong vòng 5 năm. Nguồn vốn Dự án chi nhánh NHHT thu về sẽ được chuyển vào quỹ quay vòng và tiếp tục cho các QTĐND và người thụ hưởng vay lại theo đúng các mục tiêu của Dự án.

12. HẠCH TOÁN, KẾ TOÁN

12.1. Các Chi nhánh NHHT tổ chức hạch toán, kế toán chi tiết theo Công văn hướng dẫn số 412/CV-NHHT ngày 1/6/2015 do Trụ sở chính NHHT ban hành (Phụ lục II).

12.2. Các QTDND thực hiện quy trình hạch toán, kế toán theo Công văn số 411/CV-NHHT ngày 1/6/2015 của NHHT hướng dẫn quy trình hạch toán vốn Dự án 2968 và Công văn số 9711/NHNN-TCKT ngày 26/12/ 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung một số tài khoản vào Hệ thống tài khoản kế toán Quỹ tín dụng nhân dân (Phụ lục II).

13. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

13.1. Trước ngày 5 tháng đầu của quý kế tiếp, các QTDND và các Chi nhánh có giải ngân trực tiếp lập các báo cáo triển khai Dự án trong quý vừa qua:

a) Sao kê chi tiết các món cho vay có dùng vốn ADB-2968 phát sinh trong quý được báo cáo (theo mẫu 2A).

b) Báo cáo tình hình cho vay-thu nợ vốn ADB-2968 (theo mẫu 3A)

Lưu 1 bản và gửi cho Chi nhánh NHHT 1 bản để phục vụ công tác sao kê rút vốn, kiểm tra, đối chiếu.

13.2. Trước ngày 10 tháng đầu của quý kế tiếp, chi nhánh NHHT tổng hợp các báo cáo của QTDND đã giải ngân:

a) Sao kê tổng hợp các món cho vay có dùng vốn ADB-2968 (theo mẫu 2B).

b) Báo cáo tổng hợp tình hình cho vay-thu nợ vốn ADB-2968 (theo mẫu 3B)

Lưu chi nhánh 1 bản, gửi phòng QHQT&QLDA tại Trụ sở chính 1 bản (gửi kèm theo báo cáo Sao kê chi tiết các món vay theo mẫu 2A được tổng hợp lại trên file excel). Gửi Ban quản lý dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp - Sở NN&PTNT tỉnh 1 bản.

13.3. Các Chi nhánh có trách nhiệm lập báo cáo về tình hình thực hiện Dự án hàng năm (gửi trước ngày 20/1) gửi về Trụ sở chính (Phòng QHQT&QLDA) và Ban quản lý dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp các tỉnh. Báo cáo gồm các nội dung sau:

-/ Tình hình triển khai thực hiện Dự án: Kết quả rút vốn giải ngân, các công việc đã tiến hành.

- Nguồn vốn được phân bổ
- Số món vay, doanh số cho vay
- Số hộ hiện dư nợ, dư nợ
- Nợ quá hạn, số hộ, dư nợ, phân tích nguyên nhân dư nợ quá hạn, khả năng thu hồi và biện pháp xử lý.
- Các tiểu Dự án đã được đầu tư cụ thể: số hầm đã xây dựng

-/ Những khó khăn, thuận lợi khi tiến hành Dự án

-/ Đề xuất, kiến nghị các kinh nghiệm thực tế

-/ Dự kiến kế hoạch năm tiếp theo

Các đơn vị tham gia Dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung của hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vướng mắc, đề nghị phản ánh với Phòng QHQT&QLDA tại Hội sở NHHT (Tel: 04.3 9741612 + 20, Fax: 04.3 9741615) nghiên cứu và trình Tổng Giám đốc giải quyết./.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Đỗ Mạnh Hùng

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MÔ TẢ TIỂU DỰ ÁN XIN VAY VỐN (Dùng cho khách hàng, kèm theo đơn xin vay vốn)

Tôi tên là (viết hoa):.....Nam/Nữ:.....

ĐT cố định:.....ĐT di động:.....

CMND số:.....Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ: Thôn/xóm:.....Xã/TT:.....Huyện/TX:.....

Gia đình tôi đáp ứng đủ điều kiện để xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học theo các tiêu chí của Dự án như sau:

1. Loại công trình:

- Quy mô hầm Biogas: (m3)
- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho hầm Biogas:
- Tiến độ thực hiện:

2. Dự toán chi phí đầu tư cho tiểu dự án:

- Nguyên vật liệu :
- Nhân công:
- Các hạng mục liên quan đến gói môi trường
- Chi phí khác

Tổng chi phí:

3. Nguồn vốn dùng cho Dự án:

- Vốn tự có:
- Vốn vay NHHT/QTĐND (100%), trong đó:
 - + Vốn đối ứng của NHHT/QTĐND (15%):
 - + Vốn vay ADB (85%):

Tổng cộng:

Ngày.....tháng.....năm.....

Chủ dự án
(ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II

- CV Số 9711/NHNN-TCTK ngày 26/12/2014 “Bổ sung một số tài khoản vào hệ thống tài khoản kế toán Quỹ tín dụng nhân dân”.
- CV Số 88/QĐ-NHHT ngày 1/6/2015 “Bổ sung một số tài khoản kế toán vào hệ thống tài khoản kế toán NHHT”
- CV Số 411/CV-NHHT ngày 1/6/2015 “Hướng dẫn quy trình hạch toán vốn Dự án ADB 2968 với QTDND”.
- CV Số 412/CV-NHHT ngày 1/6/2015 “Hướng dẫn quy trình hạch toán vốn Dự án ADB 2968 trong hệ thống NHHT”.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9711 /NHNN-TCKT
V/v Bổ sung một số tài khoản vào Hệ thống
tài khoản kế toán Quỹ tín dụng nhân dân

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2014

Kính gửi:

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố
- Quỹ tín dụng nhân dân

- Căn cứ Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 94/2013/TT-BTC ngày 08/7/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chế độ tài chính đối với Quỹ tín dụng nhân dân (QTD);

- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng Hợp tác xã tại Công văn số 904/CV-NHHT ngày 05/11/2014 về việc bổ sung tài khoản kế toán Dự án "Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp" theo Hiệp định vay số VIE(SF)-LCASP;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hướng dẫn bổ sung một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán QTD (ban hành kèm theo Công văn số 1179/CV-KTTC2 ngày 19/8/2004 và các công văn sửa đổi, bổ sung) như sau:

I- Bổ sung vào Hệ thống tài khoản QTDCS các tài khoản sau:

1. Bổ sung vào các tài khoản 2111, 2112, 2113, 2114, 2115 thuộc tài khoản 211- Cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam các tài khoản tương ứng sau:

21118- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21128- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21138- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21148- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21158- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

2. Bổ sung vào các tài khoản 2121, 2122, 2123, 2124, 2125 thuộc tài khoản 212- Cho vay trung hạn bằng đồng Việt Nam các tài khoản tương ứng sau:

21218- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21228- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21238- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21248- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21258- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

3. Bổ sung vào các tài khoản 2131, 2132, 2133, 2134, 2135 thuộc tài khoản 213- Cho vay dài hạn bằng đồng Việt Nam các tài khoản tương ứng sau:

21318- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21328- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21338- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21348- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

21358- Cho vay bằng nguồn vốn Dự án ADB 2968

4. Bổ sung vào các tài khoản 41511, 41591- Vay Quỹ tín dụng Trung ương thuộc tài khoản 415- Vay các tổ chức tín dụng trong nước bằng đồng Việt Nam các tài khoản tương ứng sau:

415118- Vay từ nguồn vốn Dự án ADB 2968

415918- Vay từ nguồn vốn Dự án ADB 2968

II- Nội dung hạch toán trên các tài khoản quy định tại phần I Công văn này:

Nội dung hạch toán các tài khoản được bổ sung tại phần I Công văn này được thực hiện theo hướng dẫn nội dung hạch toán các tài khoản tương ứng tại Công văn số 1179/CV-KTTC2 ngày 19/8/2004 và các Công văn số sửa đổi, bổ sung hệ thống tài khoản QTD có liên quan.

III- Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố chỉ đạo Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại Công văn này./.

TL. THÔNG ĐỐC
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố (để sao gửi và chỉ đạo các QTDNDCS trên địa bàn thực hiện);
- PTĐ Đào Minh Tú (để báo cáo);
- Cơ quan Thanh tra, Giám sát NH (để phối hợp);
- NH Hợp tác xã (để phối hợp);
- Lưu VP, TCKT2 (4 bản).



Phạm Thị Minh Nghĩa

Số: 411/CV-NHHT

-----o0o-----

"Viv hướng dẫn quy trình hạch toán
vốn dự án ADB 2968 với QTDND"

Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 2015

Kính gửi : Các Quỹ tín dụng nhân dân vay vốn Dự án ADB 2968

- Căn cứ Hiệp định vay số 2968 VIE(SP) -- LCASP, Dự án hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp ký ngày 07/03/2013 giữa chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);

- Căn cứ vào Hiệp định vay phụ ngày 18/08/2014 giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Hợp tác về Dự án hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp (Dự án ADB 2968);

- Căn cứ vào Công văn số 9711/NHNN-TCKT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung một số tài khoản vào Hệ thống tài khoản kế toán Quỹ tín dụng nhân dân (*Gửi đính kèm công văn này*);

Tổng Giám đốc Ngân hàng Hợp tác hướng dẫn quy trình hạch toán vốn dự án ADB 2968 như sau:

I/ QUY TRÌNH HẠCH TOÁN

1. Khi nhận vốn ADB 2968 từ Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác

Sau khi hợp đồng tín dụng giữa Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác (NHHT) và Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) được ký kết, chi nhánh NHHT tiến hành giải ngân tiền vay bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt theo quy định.

Khi nhận được tiền mặt hoặc nhận được giấy báo Có về việc Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác giải ngân vốn vay ADB 2968, QTDND vay vốn hạch toán:

Ghi Nợ TK 1011: Tiền mặt (*nếu nhận tiền vay bằng tiền mặt*)

Hoặc Ghi Nợ TK: Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Hợp tác hoặc Tổ chức tín dụng khác (*nếu nhận vốn vay bằng chuyển khoản*)

Ghi Có TK : 415118 "Vay từ nguồn vốn dự án ADB 2968"

Trường hợp nợ vay ADB 2968 của Ngân hàng Hợp tác bị chuyển nợ quá hạn khi nhận được thông báo của Ngân hàng Hợp tác QTDND hạch toán như sau:

Ghi Nợ TK: 415118 "Vay từ nguồn vốn dự án ADB 2968 (*nợ trong hạn*)

Ghi Có TK: 415918 "Vay từ nguồn vốn dự án ADB 2968 (*nợ quá hạn*)

2. Khi cho vay, thu nợ đối với khách hàng là thành viên QTDND

a. Khi cho vay

Căn cứ vào hồ sơ tín dụng cho vay vốn ADB 2968 đã được ký giữa QTDND và khách hàng, kế toán làm thủ tục phát tiền vay cho khách hàng theo quy định và hạch toán như sau:

Ghi Nợ TK: 21118 "Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968"

Hoặc Ghi Nợ TK: 21218 "Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968"

Hoặc Ghi Nợ TK: 21318 "Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968"

Ghi Có TK tiền mặt (nếu phát tiền mặt cho khách hàng)

Hoặc Ghi Có TK tiền gửi (nếu khách hàng có mở tài khoản tại QTDND)

b. Khi thu nợ (gốc, lãi)

Khi khách hàng trả tiền gốc và lãi vốn ADB 2968 theo định kỳ đã ký trong hợp đồng tín dụng cho QTDND, căn cứ vào số tiền khách hàng thực trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và chứng từ (Giấy nộp tiền hoặc uỷ nhiệm chi của khách hàng hoặc giấy báo có của ngân hàng nơi QTDND mở tài khoản), QTDND sau khi kiểm soát hạch toán như sau:

Ghi Nợ TK 1011: Tiền mặt (nếu nhận tiền vay bằng tiền mặt)

Hoặc Ghi Nợ TK: Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Hợp tác hoặc Tổ chức tín dụng khác (nếu nhận vốn vay bằng chuyển khoản)

Ghi Có TK: 702 “Thu lãi cho vay” (nếu khách hàng trả lãi)

Hoặc Ghi Có TK: Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968 thích hợp (nếu khách hàng trả nợ gốc).

c. Khi món vay bị chuyển nhóm nợ

- Trường hợp nợ cho vay khách hàng chưa trả bị phân loại nợ (chuyển nhóm nợ) căn cứ vào đề nghị chuyển nhóm nợ của phòng tín dụng đã được Giám đốc phê duyệt, kế toán QTDND hạch toán:

+ Trường hợp chuyển từ nợ đủ tiêu chuẩn sang nợ cần chú ý

Ghi Nợ TK : 21128 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Nợ TK : 21228 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Nợ TK : 21328 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Ghi Có TK : 21118 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Có TK : 21218 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Có TK : 21318 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

+ Trường hợp chuyển từ nợ cần chú ý sang nợ dưới tiêu chuẩn

Ghi Nợ TK : 21138 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Nợ TK : 21238 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Nợ TK : 21338 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Ghi Có TK : 21128 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Có TK : 21228 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Có TK : 21328 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

+ Trường hợp chuyển từ nợ dưới tiêu chuẩn sang nợ nghi ngờ

Ghi Nợ TK : 21148 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Nợ TK : 21248 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Nợ TK : 21348 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Ghi Có TK : 21138 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Có TK : 21238 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

Hoặc Ghi Có TK : 21338 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

+ Trường hợp chuyển từ nợ nghi ngờ sang nợ có khả năng mất vốn

Ghi Nợ TK : 21158 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”
Hoặc Ghi Nợ TK : 21258 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”
Hoặc Ghi Nợ TK : 21358 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”
Ghi Có TK : 21148 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”
Hoặc Ghi Có TK : 21248 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”
Hoặc Ghi Có TK : 21348 “Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968”

- Trường hợp nợ cho vay chuyển nhóm không tuần tự mà chuyển sang nhóm nợ cao hơn như: nợ từ nhóm 1 chuyển sang nhóm 3, nhóm 2 chuyển sang nhóm 4 hoặc chuyển từ nhóm nợ cao hơn về nhóm thấp hơn như từ nhóm 4 về nhóm 1, nhóm 2 về nhóm 5 ... thì trình tự xử lý và hạch toán tương tự như các trường hợp trên.

3. Khi trả gốc và lãi vốn ADB 2968 cho Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác.

- Khi trả gốc khoản vay vốn ADB 2968 cho Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác, QTDND hạch toán:

Ghi Nợ TK 415118 “Vay từ nguồn vốn D.án ADB 2968 (trả gốc của nợ trong hạn)
Hoặc Ghi Nợ TK 415918 “Vay từ nguồn vốn D.án ADB 2968 (trả gốc của nợ quá hạn)
Ghi Có TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi....)

- Khi trả lãi khoản vay vốn ADB 2968 cho Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác, QTDND hạch toán:

Ghi Nợ TK 802 “Trả lãi tiền vay”

Ghi Có TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi....)

III. CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

1. Tại QTDND, tất cả các chứng từ giao dịch, sổ sách, báo cáo kế toán liên quan đến vốn ADB 2968 đều phải đóng dấu ADB 2968 để phân biệt với các loại chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán của các nguồn vốn khác.

2. Theo quy định của ADB và Bộ Tài chính, cơ cấu vốn trong một món vay của mỗi tiểu dự án khách hàng xin vay vốn ADB 2968 của QTDND trong đó vốn ADB 2968 là 85%, vốn đối ứng của QTDND là 15%, do đó trên hợp đồng tín dụng hoặc sổ kế toán chi tiết hạch toán số tiền QTDND cho vay khách hàng sẽ bao gồm vốn ADB 2968 và vốn đối ứng của QTDND.

Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc QTDND phản ánh bằng văn bản về Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác để tổng hợp trình Tổng Giám đốc xem xét giải quyết.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Thường trực HĐQT;
- Ban TGD;
- Ban Kiểm soát;
- Các CN NHHT;
- Các Phòng, Ban, Trung tâm tại TSC;
- Lưu VP, KTTC.

K. T. TỔNG GIÁM ĐỐC 
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

3 Nguyễn Thạc Tâm

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG HỢP TÁC

“ Về việc bổ sung một số tài khoản kế toán vào hệ thống tài khoản kế toán NHHT ”

- Căn cứ Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004 của Thống đốc NHNN Việt Nam “về việc ban hành hệ thống Tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng”.

- Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014 “về việc sửa đổi, bổ sung một số tài khoản trong hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004 của Thống đốc NHNN”

- Căn cứ Quyết định số 108/2014/QĐ/NHHT ngày 23/05/2014 của Tổng giám đốc Ngân hàng Hợp tác về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán áp dụng trong hệ thống Ngân hàng Hợp tác.

- Căn cứ Hiệp định vay số 2968 VIE(SF)-LCASP đã ký ngày 07/03/2014 gồm chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) về Dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp.

- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 166/GP-NHNN ngày 04/06/2013 của Ngân hàng Hợp tác đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y.

- Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế toán – Tài chính Ngân hàng Hợp tác.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ sung một số tài khoản kế toán vào hệ thống tài khoản kế toán áp dụng đối với hệ thống Ngân hàng Hợp tác ban hành kèm theo Quyết định số 108/2014/QĐ/NHHT ngày 23/5/2014 của Tổng giám đốc Ngân hàng Hợp tác như sau:

1. Bổ sung vào TK 2011 “Nợ trong hạn” tài khoản cấp V sau:

- Tài khoản 2011.25 - Nợ trong hạn cho vay ngắn hạn QTDTV vốn ADB 2968
- Tài khoản 2011.26 - Nợ trong hạn cho vay trung hạn QTDTV vốn ADB 2968

2. Bổ sung vào TK 2012 “Nợ quá hạn” tài khoản cấp V sau:

- Tài khoản 2012.25 - Nợ quá hạn cho vay ngắn hạn QTDTV vốn ADB 2968
- Tài khoản 2012.26 - Nợ quá hạn cho vay trung hạn QTDTV vốn ADB 2968

3. Bổ sung vào TK 211 “Cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam” tài khoản cấp V sau:

- Tài khoản 2111.15 - Nợ trong hạn cho vay ngắn hạn vốn ADB 2968
- Tài khoản 2112.15 - Nợ quá hạn cho vay ngắn hạn vốn ADB 2968

4. Bổ sung vào TK 212 “Cho vay trung hạn bằng đồng Việt Nam” tài khoản cấp V sau:

- Tài khoản 2121.17 - Nợ trong hạn cho vay trung hạn vốn ADB 2968
- Tài khoản 2122.17 - Nợ quá hạn cho vay trung hạn vốn ADB 2968

5. Bổ sung vào TK 4412 “Vốn nhận của Chính phủ” tài khoản cấp V sau:

- Tài khoản :4412.09– Vốn nhận lại của chính phủ từ Dự án ADB 2968

6. Bổ sung vào TK 5191 “Điều chuyển vốn” tài khoản cấp V sau:

- Tài khoản: 5191.45 - Điều chuyển vốn ADB 2968

7. Bổ sung vào TK 7020 “Thu lãi cho vay” tài khoản cấp V sau:

- Tài khoản 7020.26 - Thu lãi cho vay nguồn vốn ADB 2968

8. Bổ sung vào TK 8020 “Trả lãi tiền vay” tài khoản cấp V sau:

- Tài khoản : 8020.16 - Trả lãi tiền vay vốn ADB 2968

Điều 2: Nội dung hạch toán tại các tài khoản được bổ sung tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn hạch toán các tài khoản tương ứng tại Quyết định số 108/2014/QĐ/NHHT ngày 23/5/2014 của Tổng giám đốc Ngân hàng Hợp tác

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4: Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế toán – Tài chính, Trưởng các Phòng, Ban tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh và các Trung tâm trực thuộc Ngân hàng Hợp tác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch HĐQT;
- Ban TGD;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VP-KT;

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thạc Tâm

NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ
VIỆT NAM

SỐ: 42/ CV-NHHT

"V/v Hướng dẫn quy trình hạch toán
vốn dự án ADB 2968 trong hệ thống NHHT"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác

Ngày 18/8/2014 Ngân hàng Hợp tác và Bộ Tài chính đã ký Hiệp định vay phụ về Dự án hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp – số hiệu khoản vay ADB 2968 VIE(SF) - LCASP (Dự án ADB 2968); Theo yêu cầu của ADB và Bộ tài chính, để thực hiện việc theo dõi quản lý chặt chẽ quá trình vay, sử dụng vốn vay của Dự án ADB 2968 trong hệ thống, Tổng giám đốc Ngân hàng Hợp tác hướng dẫn các Phòng, Ban tại Trụ sở chính và Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác về quy trình hạch toán vốn Dự án ADB 2968 như sau:

I/ QUY TRÌNH HẠCH TOÁN.

1. Tại Trụ sở chính.

a. Khi nhận vốn ADB 2968 của Bộ tài chính

Nhận được giấy báo Có của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NHNN) về việc Bộ tài chính chuyển vốn vay Dự án ADB 2968 kế toán sau khi kiểm soát hạch toán:

Ghi Nợ TK: Tiền gửi tại NHNN

Ghi Có TK : 4412.09 – Vốn nhận lại của Chính Phủ từ Dự án ADB 2968

b. Điều chuyển vốn ADB 2968 giữa Trụ sở chính và Chi nhánh

*** Điều chuyển vốn ADB 2968 cho các Chi nhánh**

Khi nhận được lệnh điều chuyển vốn cho Chi nhánh từ phòng Kế hoạch nguồn vốn đã được Tổng giám đốc Ngân hàng Hợp tác phê duyệt, kế toán làm thủ tục chuyển tiền cho Chi nhánh và hạch toán như sau:

Ghi Nợ TK: 5191.45 - Điều chuyển vốn ADB 2968

Ghi Có TK : 1113.01/5199.01- T.gửi tại NHNN/ T.toán chuyển tiền đ.từ nội bộ

*** Khi Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác hoàn vốn điều chuyển ADB 2968 cho Trụ sở chính qua tài khoản tiền gửi tại NHNN hoặc qua thanh toán chuyển tiền nội bộ. Kế toán sau khi kiểm soát hạch toán như sau:**

Ghi Nợ TK 1113.01/5199.01:T.gửi tại NHNN/T.toán chuyển tiền điện tử nội bộ

Ghi Có TK : 5191.45 - Điều chuyển vốn ADB 2968

c. Thu phí điều chuyển vốn ADB 2968 .

Trụ sở chính thực hiện báo nợ Chi nhánh phí điều chuyển vốn ADB 2968 theo định kỳ thu phí quy định và hạch toán như sau:

Ghi Nợ TK 5199.01: Thanh toán chuyển tiền nội bộ

Ghi Có TK: 7020.11- Thu phí điều chuyển vốn nội bộ.

d. Trả gốc tiền vay vốn ADB 2968

Đến kỳ hạn trả gốc tiền vay vốn ADB 2968, theo đề nghị của Phòng Quan hệ quốc tế và Quản lý dự án đã được Tổng giám đốc phê duyệt kế toán chuyển tiền và hạch toán:

Ghi Nợ TK: 4412.09 –Vốn nhận lại của Chính Phủ từ ADB 2968

Ghi Có TK: 1113.01/5199.01 - Tiền gửi tại NHNN/T.toán chuyển tiền nội bộ

e. Trả lãi vay vốn ADB 2968

Khi Ngân hàng Hợp tác trả lãi tiền vay, căn cứ vào bảng tính lãi tiền vay được Tổng giám đốc phê duyệt kế toán làm thủ tục chuyển tiền lãi và hạch toán:

Ghi Nợ TK: 8020.16 - Trả lãi tiền vay vốn ADB 2968

Ghi Có TK 1113.01/5199 .01- Tiền gửi tại NHNN/T.toán chuyển tiền nội bộ

2. Tại Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác

a. Nhận vốn điều chuyển vốn ADB 2968 từ Trụ sở chính.

Khi nhận vốn điều chuyển từ Trụ sở chính, Chi nhánh hạch toán:

Ghi Nợ TK 1113.01/5199.01: Tiền gửi tại NHNN /T.toán chuyển tiền nội bộ

Ghi Có TK: 5191.45 - Điều chuyển vốn ADB 2968

b. Khi chuyển vốn ADB 2968 trả Trụ sở chính.

Khi Chi nhánh trả vốn ADB 2968 về Trụ sở chính hạch toán như sau:

Ghi Nợ TK : 5191.45 - Điều chuyển vốn ADB 2968

Ghi Có TK : 1113.01/5199.01- Tiền gửi tại NHNN /T.toán chuyển tiền nội bộ

c. Trả phí điều chuyển vốn cho Trụ sở chính.

Khi Chi nhánh nhận được báo nợ về phí điều chuyển vốn của Trụ sở chính hạch toán như sau:

Ghi Nợ TK: 8020.03- Trả phí điều chuyển vốn nội bộ

Ghi Có TK 5199.01: Thanh toán chuyển tiền nội bộ

d. Cho vay, thu nợ đối với các Quỹ tín dụng nhân dân, khách hàng doanh nghiệp, cá nhân.

* Khi cho vay:

Căn cứ Hồ sơ tín dụng cho vay vốn ADB 2968 được Giám đốc phê duyệt, kế toán làm thủ tục phát tiền vay cho các QTDND, khách hàng doanh nghiệp, cá nhân và hạch toán như sau:

- Cho vay QTDND:

Ghi Nợ TK 2011.25- Nợ trong hạn cho vay ngắn hạn QTDTV vốn ADB 2968
Hoặc Ghi Nợ TK 2011.26 - Nợ trong hạn cho vay trung hạn QTDTV vốn ADB2968
Ghi Có TK: Thích hợp - Tiền mặt/Tiền gửi của QTDND mở tại Chi nhánh/
Thanh toán chuyển tiền.

- Cho vay doanh nghiệp, cá nhân:

Ghi Nợ TK 2111.15 - Nợ trong hạn cho vay ngắn hạn vốn ADB 2968
Hoặc Ghi Nợ TK 2121.17 - Nợ trong hạn cho vay trung hạn vốn ADB 2968
Ghi Có TK: Thích hợp - Tiền mặt/ Tiền gửi của khách hàng mở tại Chi
nhánh/Thanh toán chuyển tiền.

- Đối với các món vay chi nhánh NHHT đã cho vay, khách hàng doanh nghiệp,
cá nhân còn dư nợ trong hạn, đáp ứng yêu cầu của Dự án, chi nhánh lập sao kê xin bồi
hoàn theo giá trị ban đầu của món vay.

Khi nhận được vốn điều chuyển từ Trụ sở chính về việc bồi hoàn số tiền đã giải
ngân, Chi nhánh NHHT thực hiện hạch toán chuyển dư nợ cho vay từ tài khoản cho
vay thông thường sang cho vay bằng vốn Dự án ADB 2968.

Nợ TK:2111.15/2121.17 - Nợ trong hạn cho vay ngắn /trung hạn vốn ADB2968
Có TK: Cho vay thông thường

* Thu nợ (gốc, lãi)

Khi các QTDND, khách hàng doanh nghiệp, cá nhân vay vốn trả nợ tiền gốc và
lãi vốn ADB 2968 theo định kỳ quy định cho Chi nhánh; căn cứ vào số tiền thực tế
nộp vào quỹ (nếu trả bằng tiền mặt) hoặc Ủy nhiệm chi, Giấy báo Có (nếu trả nợ bằng
chuyển khoản), kế toán sau khi kiểm soát hạch toán như sau:

Ghi Nợ TK:1011.01-Tiền mặt tại đơn vị (nếu QTDND/KH trả nợ bằng tiền mặt)
Hoặc Ghi Nợ TK: 4111.01- Tiền gửi của QTDND/KH(nếu QTDND/KH có TK tại CN)
Hoặc Ghi Nợ TK: Tiền gửi NHNN (1113.01), tiền gửi tại TCTD khác (1311.01) (nếu
QTDND /KH trả nợ vào tài khoản của Chi nhánh NHHT.)

Ghi Có TK : Cho vay bằng nguồn vốn dự án ADB 2968 thích hợp (nếu
QTDND/KH trả nợ gốc)

Hoặc Ghi Có TK : 7020.26- Thu lãi cho vay nguồn vốn ADB 2968 (nếu QTD ND/KH
trả nợ lãi)

* Trường hợp nợ cho vay đến kỳ hạn thu nợ, QTDND, khách hàng doanh nghiệp,
cá nhân chưa trả được nợ; Căn cứ đề nghị chuyển sang nợ quá hạn của Phòng tín dụng
đã được Tổng giám đốc (Giám đốc) phê duyệt, kế toán hạch toán:

Ghi Nợ TK 2112.15/2122.17: Nợ quá hạn cho vay ngắn/trung hạn vốn ADB 2968

Hoặc Ghi Nợ TK 2012.25/2012.26: Nợ quá hạn cho vay ngắn/trung hạn QTDTV vốn ADB2968

Ghi Có TK 2111.15/2121.17: Nợ trong hạn cho vay ngắn/trung hạn vốn ADB2968

Hoặc Ghi Có TK 2011.25/2011.26: Nợ trong hạn cho vay ngắn/trung hạn QTDTV vốn ADB 2968

II/. CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Các chứng từ khi giao dịch và chuyển vốn giữa Trụ sở chính và Chi nhánh, giữa Chi nhánh với Quỹ tín dụng nhân dân; các loại sổ sách, báo cáo kế toán về vốn ADB 2968 (như: chứng từ nhận vốn vay, sổ kế toán chi tiết, chứng từ cho vay, sao kê tiền vay, báo cáo thống kê...) đều phải đóng dấu ADB 2968 để phân biệt với các chứng từ, sổ sách kế toán của các nguồn vốn khác.

Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký, yêu cầu các Phòng, Ban và Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác tổ chức triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc Chi nhánh phản ánh về Phòng Kế toán- Tài chính Trụ sở chính để tổng hợp trình Tổng giám đốc giải quyết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban TGD;
- Ban Kiểm soát;
- Phòng TD; KHN; QHQT; KTNB;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu VP-KT;

TỔNG GIÁM ĐỐC ✓
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thạc Tâm

BIỂU MẪU BÁO CÁO

Quỹ Tín dụng Nhân dân.....Huyện.....
Tỉnh.....

Mẫu 1A

KẾ HOẠCH VAY VỐN ADB-2968
Quý/năm.....

Đơn vị: Triệu VNĐ

STT	Tiêu dự án	Số tiểu dự án	Tổng chi phí tiêu dự án	Vốn tự có của người vay	Vốn vay (100%)	
					Vốn đối ứng của QTDND (15%)	Vốn ADB (85%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Công trình quy mô nhỏ					
2	Công trình quy mô vừa					
3	Công trình quy mô lớn					
	Tổng cộng					

Người lập biểu

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc (ký tên, đóng dấu)

Chi nhánh NHHT
Tỉnh.....

Mẫu 1B

KẾ HOẠCH VAY VỐN ADB-2968

Quý/năm.....

Đơn vị: triệu VNĐ

STT	Chi nhánh/QTDND	Số tiêu Dự án	Tổng chi phí tiêu dự án	Vốn tự có của người vay	Vốn vay (100%)	
					Vốn đối ứng của Chi nhánh/QTDND (15%)	Vốn ADB (85%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	QTDND A					
2	QTDND B					
3	Chi nhánh					
	Tổng cộng					

Người lập biểu

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc (ký tên, đóng dấu)

Quý Tín dụng Nhân dân.....Huyện.....
 Tỉnh.....

Mẫu 2A

SAO KÊ CHI TIÊU CÁC MÓN VAY DỰ ÁN LCASP ADB-2968

Quý.....năm.....

Đơn vị: triệu VNĐ													
STT	Người vay	Địa chỉ	Số HĐTD	Ngày vay	Hạn trả	Lãi suất	Quý mô hãm KSH (m3)	Tổng chi phí tiêu Dự án	Vốn tự có của người vay	Vốn vay (100%)			Hộ được nhận hỗ trợ từ BQLDA
										Vay ADB (85%)	Vốn đối ứng của QTDND (15%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Khách hàng A												
2	Khách hàng B												
													
	Tổng cộng												

Người lập biểu

Ngày.....tháng.....năm.....
 Giám đốc (ký tên, đóng dấu)

Chi nhánh NHHT
Tỉnh.....

Mẫu 2B

SAO KÊ TỔNG HỢP CÁC MÓN CHO VAY CÓ DÙNG VỐN ADB-2968

Quý:.....năm.....
(Chỉ báo cáo theo tổng số thực hiện trong quý)

STT	Quy mô dự án	Số tiêu dự án	Tổng chi phí tiêu dự án	Vốn tự có của người vay	Vốn vay			Thời hạn vay	Lãi suất	Số hộ được nhận hỗ trợ từ Ban QLDA
					Tổng	Vốn đối ứng	Vốn vay ADB			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	QTDND.....									
	Quy mô nhỏ									
	Quy mô vừa									
	Quy mô lớn									
2	Chi nhánh									
	Quy mô nhỏ									
	Quy mô vừa									
	Quy mô lớn									
Tổng cộng										

Đơn vị: triệu đồng

Người lập biểu

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc (ký tên, đóng dấu)

Quý TDND.....Huyện.....
Tỉnh.....

Mẫu 3A

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY - THU NỢ VỐN DỰ ÁN ADB-2968

Quý..... Năm.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Quy mô dự án	Doanh số cho vay trong Quý			Doanh số thu nợ trong quý (vốn ADB)	Dự nợ			Cho vay lũy kế từ đầu năm			Cho vay lũy kế từ đầu Dự án			
		Số công trình	Số tiền	Trong đó vốn ADB		Số tiền	Nợ quá hạn		Số công trình	Số tiền	Vốn ADB	Số công trình	Số tiền	Vốn ADB	
							Số tiền	Tỷ lệ QH/DN							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
I	Quy mô nhỏ														
II	Quy mô vừa														
III	Quy mô lớn														
	Tổng cộng														

Đơn vị: triệu đồng

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc (ký tên, đóng dấu)

Người lập biểu

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHO VAY – THU NỢ VỐN DỰ ÁN ADB-2968

Quý..... Năm.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Quy mô dự án	Doanh số cho vay trong Quý			Doanh số thu nợ trong quý (vốn ADB)	Dư nợ			Cho vay lũy kế từ đầu năm báo cáo			Cho vay lũy kế từ đầu Dự án		
		Số công trình	Số tiền	Trong đó vốn ADB		Số tiền	Nợ quá hạn		Số công trình	Số tiền	Số công trình	Số tiền	Số công trình	Số tiền
							Số tiền	Tỷ lệ QH/DN						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Quy mô nhỏ													
II	Quy mô vừa													
III	Quy mô lớn													
	Tổng cộng													

Đơn vị: triệu đồng

Người lập biểu

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc (ký tên, đóng dấu)